TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2026/HS-PT
Ngày: 16-3-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài Xuân

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Sinh

Bà Võ Thị Hồng Thu

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Huỳnh Thị Khánh Nhi là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Hoàng Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 22/2026/TLPT-HS ngày 10 tháng 02 năm 2026 đối với bị cáo Nguyễn P, Nguyễn Thị T do có kháng cáo của bị cáo Nguyễn P, Nguyễn Thị T đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 37/2025/HS-ST ngày 29 tháng 12 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 6 - Gia Lai.

- Bị cáo có kháng cáo:

1. Nguyễn P, sinh ngày 20 tháng 5 năm 1989 tại tỉnh Gia Lai; Số căn cước công dân: 052089007226; Nơi cư trú: Tổ dân phố L, phường H, tỉnh Gia Lai; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 05/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Văn P1 (chết) và bà Đỗ Thị X, sinh năm 1967; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo tại ngoại; Có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Thị T, sinh ngày 26 tháng 3 năm 1992 tại tỉnh Gia Lai; Số căn cước công dân: 052192006542; Nơi cư trú: Tổ dân phố A, phường H, tỉnh Gia Lai; Chỗ ở hiện nay: Tổ dân phố Đ, phường H, tỉnh Gia Lai; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 06/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Ngọc T1, sinh năm 1968 và bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1969; Chồng: Nguyễn Đức T2, sinh 1990 (đã ly hôn); con: có 4 con, lớn nhất sinh năm 2008, nhỏ nhất sinh năm 2022. Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo tại ngoại; Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08 giờ 37 phút ngày 17/7/2025, Nguyễn P điều khiển xe mô tô biển số 77AA-187.12 chở Nguyễn Thị T đến uống nước tại quán cà phê "10k" ở khu phố T, phường H, tỉnh Gia Lai. Tại đây, P thấy 01 túi xách của bà Đào Thị N để trên bàn bên cạnh không có ai trông coi nên nói cho T biết và cả hai thống nhất chiếm đoạt. Phán lén lút lấy túi xách đưa cho T, T mở ra xem thấy có tiền và vàng nên bỏ túi xách vào trong túi áo khoác đang mặc rồi cùng P rời khỏi quán. Khi đi đến khu vực cách quán cà phê "10k" khoảng 500 mét, T kiểm tra trong túi xách thấy có số tiền 1.200.000 đồng và 07 vòng vàng ximen, sau đó cả hai về nhà ở phường H, tỉnh Gia Lai. Đến khoảng 20 giờ cùng ngày, P và T đến tiệm V" ở phường T, tỉnh Gia Lai bán cho bà Lương Thị H 07 vòng vàng ximen được số tiền 20.760.000 đồng, rồi sử dụng số tiền này để mua 01 chiếc lắc tay với giá 8.760.000 đồng, 02 nhẫn vàng với giá 10.830.000 đồng để T sử dụng, số tiền còn lại T cất giữ. Sau khi mua 07 vòng vàng ximen, bà H đã gia công và bán cho người khác nên không thu giữ được.

Theo Kết luận định giá tài sản số 12/KL-HĐĐGTTHS ngày 07/8/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự tỉnh Gia Lai: 07 (bảy) chiếc ximen tròn, loại vàng 610, tổng trọng lượng 03 chỉ 05 phân 2,5 ly có giá trị 23.846.625 đồng và 01 (một) túi xách da màu nâu có giá trị 150.000 đồng.

Về việc thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật; xử lý vật chứng: Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tạm giữ số tiền 2.370.000 đồng, 01 túi xách, 01 quần vải, 01 áo khoác, 02 khẩu trang y tế, 02 mũ bảo hiểm, 02 nhẫn vàng, 01 chiếc lách tay, 01 áo thun, 01 quần jean, 01 xe mô tô 77AA-187.12 của Nguyễn P và 02 USB ghi lại diễn biến vụ việc *(đặc điểm như mô tả trong biên bản tạm giữ có tại hồ sơ vụ án)*.

Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Nguyễn P và Nguyễn Thị T đã tự nguyện bồi thường 25.196.625 đồng, bà Đào Thị N không yêu cầu gì thêm.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 37/2025/HS-ST ngày 29 tháng 12 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 6 - Gia Lai đã quyết định: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn P, Nguyễn Thị T phạm tội *"Trộm cắp tài sản"*.

Căn cứ khoản 1 Điều 173, các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Nguyễn P và Nguyễn Thị T, mỗi bị cáo 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

Về xử lý vật chứng: Tịch thu sung ngân sách Nhà nước: Số tiền 1.170.000 đồng (một triệu một trăm bảy mươi nghìn đồng) đã được niêm phong trong một bì thư dán kín kích thước (10.7x18.8)cm, có chữ ký giáp lai của ông Lê Nguyễn Xuân T3 và bà Nguyễn Thị T, đóng 03 (ba) dấu tròn của Công an phường H, Công an tỉnh G; 01 (một) chiếc lắc tay bằng vàng có dạng mắt xích hình tròn dài 18cm và 02 (hai) chiếc nhẫn vàng trơn 9999, mỗi chiếc 0.5 chỉ vàng tạm giữ từ bà Nguyễn

Thị T đã được niêm phong trong một bì thư dán kín kích thước (10.7x18.8)cm, có chữ ký giáp lai của ông Lê Nguyễn Xuân T3 và bà Nguyễn Thị T, đóng 03 (ba) dấu tròn của Công an phường H, Công an tỉnh G.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về các loại vật chứng khác, án phí và quyền kháng cáo của những người tham gia tố tụng.

Ngày 31/12/2025 các bị cáo Nguyễn P, Nguyễn Thị T đều có đơn kháng cáo xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai đề nghị: Căn cứ vào điểm a, b khoản 1 Điều 355; điểm b, e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn P; Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị T áp dụng điểm c khoản 1 Điều 173; các điểm b, i, s, n khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự. Sửa bản án hình sự sơ thẩm, giữ nguyên mức hình phạt tù đối với bị cáo Nguyễn Thị T, nhưng cho bị cáo T được hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách là 02 (hai) năm kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Về vật chứng: Áp dụng khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự, đề nghị trả lại số tiền và vàng đã thu giữ cho bị hại là chủ sở hữu hợp pháp, tuy nhiên do bị hại đã nhận được bồi thường và không yêu cầu nhận lại tài sản bị chiếm đoạt nên đề nghị HĐXX tuyên trả lại tài sản đã tạm giữ cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn P, Nguyễn Thị T khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để xác định vụ án như sau: Vào ngày 17/7/2025, tại khu phố T, phường H, tỉnh Gia Lai, Nguyễn P và Nguyễn Thị T đã lợi dụng sự sơ hở của bà Đào Thị N trong việc quản lý tài sản, lén lút chiếm đoạt 01 túi xách, trong túi xách có 1.200.000 đồng và 07 vòng vàng ximen, có tổng giá trị là 25.196.625 đồng. Do đó, Toà án nhân dân khu vực 6 - Gia Lai đã kết án các bị cáo Nguyễn P, Nguyễn Thị T về tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự, là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2] Xét kháng cáo xin được hưởng án treo của các bị cáo Nguyễn P, Nguyễn Thị T, hội đồng xét xử nhận thấy: Toà án cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, i s khoản 1; khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn P và Nguyễn Thị T, mỗi bị cáo 06 tháng tù là phù hợp, đủ sức răn đe, giáo dục các bị cáo thành công dân tốt. Tại phiên toà phúc thẩm, các bị cáo không xuất trình thêm chứng cứ nào khác để làm căn cứ giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do đó, hội đồng xét xử cấp phúc thẩm

không chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của các bị cáo. Giữ y phần hình phạt đối với hai bị cáo.

[3] Đối với số tiền 1.170.000 đồng; 01 (một) chiếc lắc tay bằng vàng có dạng mắt xích hình tròn dài 18cm và 02 (hai) chiếc nhẫn vàng trơn 9999, mỗi chiếc 0.5 chỉ vàng là tài sản có được từ việc bị cáo Nguyễn Thị T bán tài sản trộm cắp của bị hại Đào Thị N mua số trang sức trên về sử dụng. Tuy nhiên, bị cáo đã bồi thường toàn bộ giá trị tài sản chiếm đoạt cho bị hại 25.196.625 đồng, nhưng Toà án cấp sơ thẩm đã tuyên tịch thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền 1.170.000 đồng; 01 (một) chiếc lắc tay bằng vàng có dạng mắt xích hình tròn dài 18cm và 02 (hai) chiếc nhẫn vàng trơn 9999, mỗi chiếc 0.5 chỉ vàng là không đúng quy định pháp luật. Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự. Hội đồng xét xử phúc thẩm, sửa bản án sơ thẩm về phần xử lý vật chứng, trả lại cho bị cáo Nguyễn Thị T tài sản trên.

[3] Về án phí hình sự phúc thẩm: Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Các bị cáo Nguyễn P, Nguyễn Thị T, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các phần quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai: Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn P; Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị T. Sửa bản án hình sự sơ thẩm. Áp dụng thêm Điều 65 của Bộ luật Hình sự, giữ nguyên mức hình phạt tù đối với bị cáo T, nhưng cho bị cáo T được hưởng án treo. Về vật chứng: Áp dụng khoản 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự. Trả lại số tiền 1.170.000 đồng; 01 (một) chiếc lắc tay bằng vàng có dạng mắt xích hình tròn dài 18cm và 02 (hai) chiếc nhẫn vàng trơn 9999, mỗi chiếc 0.5 chỉ vàng cho bị cáo bà Nguyễn Thị T, đề nghị của Viện kiểm sát phù hợp với một phần nhận định của hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm a, b khoản 1 Điều 355; điểm d khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn P, Nguyễn Thị T về phần hình phạt.

- Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 37/2025/HS-ST ngày 29 tháng 12 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 6 - Gia Lai về phần xử lý vật chứng.

2. Căn cứ khoản 1 Điều 173, các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn P 06 (Sáu) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T 06 (Sáu) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

2. Về các biện pháp tư pháp: Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự.

Trả lại bị cáo Nguyễn Thị T: Số tiền 1.170.000 đồng (một triệu một trăm bảy mươi nghìn đồng) đã được niêm phong trong một bì thư dán kín kích thước (10.7x18.8)cm, có chữ ký giáp lai của ông Lê Nguyễn Xuân T3 và bà Nguyễn Thị T, đóng 03 (ba) dấu tròn của Công an phường H, Công an tỉnh G; 01 (một) chiếc lắc tay bằng vàng có dạng mắt xích hình tròn dài 18cm và 02 (hai) chiếc nhẫn vàng trơn 9999, mỗi chiếc 0.5 chỉ vàng tạm giữ từ bà Nguyễn Thị T đã được niêm phong trong một bì thư dán kín kích thước (10.7x18.8)cm, có chữ ký giáp lai của ông Lê Nguyễn Xuân T3 và bà Nguyễn Thị T, đóng 03 (ba) dấu tròn của Công an phường H, Công an tỉnh G.

(Theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 11/12/2025 và Biên bản giao nhận vật chứng ngày 19/12/2025 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh G và Phòng Thi hành án dân sự khu vực 6 - Gia Lai).

3. Về án phí: Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Các bị cáo Nguyễn P, Nguyễn Thị T mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- Cơ quan CSĐTCA tỉnh Gia Lai;
- Cơ quan THAHS&HTTP Công an tỉnh Gia Lai;
- Cơ quan HSNV CA tỉnh Gia Lai;
- TAND khu vực 6 – Gia Lai;
- VKSND khu vực 6, tỉnh Gia Lai
- Phòng THADS khu vực 6, tỉnh Gia Lai;
- Phòng TT, KT & THA TAND tỉnh Gia Lai;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Hoài Xuân